

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CHUẨN ĐẦU RA
CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

Thanh Hóa, năm 2019

Số: 748b /QĐ-ĐVTDT

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học
của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ vào Quyết định số: 1221/TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng VHNT Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số Số: 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Công văn 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/04/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-ĐVTDT ngày 18/4/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc ban hành Quy định xây dựng, rà soát và phát triển chuẩn đầu ra năm 2018;

Căn cứ Kết luận số 690/KL-ĐVTDT ngày 16/7/2019 của Hội đồng Khoa học Đào tạo trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc thông qua chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành “Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học của trường trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa” (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông/bà Trưởng các đơn vị trong Trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các PHT (b/cáo);
- Như điều 3 (t/hiện);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VP, các khoa đào tạo.



**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC 17 NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

*(Ban hành kèm theo quyết định số 748b/QĐ-ĐVTDT ngày 2 tháng 08 năm
2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

TT	Tên chương trình dạy học
	Chuẩn đầu ra ngành Giáo dục mầm non
	Chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Âm nhạc
	Chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Mỹ thuật
	Chuẩn đầu ra ngành Thanh Nhạc
	Chuẩn đầu ra ngành Thiết kế thời trang
	Chuẩn đầu ra ngành Đồ họa
	Chuẩn đầu ra ngành Du lịch
	Chuẩn đầu ra ngành Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành
	Chuẩn đầu ra ngành Quản trị khách sạn
	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý thể dục thể thao
	Chuẩn đầu ra ngành Ngôn ngữ Anh
	Chuẩn đầu ra ngành Luật
	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý nhà nước
	Chuẩn đầu ra ngành Quản lý văn hóa
	Chuẩn đầu ra ngành Công tác xã hội
	Chuẩn đầu ra ngành Công nghệ truyền thông
	Chuẩn đầu ra ngành Thông tin thư viện

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 8 năm 2019

CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành: Công tác xã hội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 748b /QĐ-ĐVTDT ngày 02 tháng 8 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Ngành/Chuyên ngành đào tạo: Công tác xã hội (Social work)

2. Mã chuyên ngành: 7760101

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Loại hình đào tạo: Chính quy

5. Điều kiện tuyển sinh:

- *Đối tượng tuyển sinh:* Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

(Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định).

- *Phạm vi tuyển sinh:* cả nước

- *Hình thức tuyển sinh:* Tổ chức thi tuyển và xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, theo đề án của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, theo các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Điều kiện tốt nghiệp:

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Có chứng chỉ GDQPAN và hoàn thành học phần GDTC.
- Có đơn gửi Phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học, hoặc chưa muốn tốt nghiệp vì có nhu cầu học cải thiện để nâng hạng xếp loại tốt nghiệp.

7. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Công tác xã hội

8. Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội có mục tiêu chung là đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức rộng về các vấn đề xã hội, có các kỹ năng can thiệp, giải quyết các vấn đề xã hội ở cấp độ cá nhân, nhóm, cộng đồng và toàn xã hội.

Đồng thời, đào tạo cử nhân Công tác xã hội có đầy đủ phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, có tinh thần yêu nghề, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, chính trị, nghề nghiệp và tổ chức có yếu tố nước ngoài góp phần xây dựng Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, hội nhập và văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

- M1: Nắm vững kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng. Nâng cao kiến thức ngoại ngữ về ngoại ngữ, tin học theo quy định của trường (Tiếng Anh bậc 3 theo Khung 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư 01/2014; Chứng chỉ tin học theo Thông tư 03/2014).

- M2: Có kiến thức toàn diện, vững chắc, chuyên sâu về công tác xã hội. Có kiến thức về công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, phát triển cộng đồng, tham vấn để hỗ trợ đối tượng yếu thế.

- M3: Vận dụng các phương pháp nghiên cứu để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2.2. Kỹ năng

- M4: Có các kỹ năng trong can thiệp, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng nhằm tăng cường năng lực tự giải quyết các vấn đề của thân chủ.

- M5: Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, giao tiếp, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong xã hội.

- M6: Có khả năng tự học, nghiên cứu và phát triển ngành công tác xã hội trong tương lai, đổi mới và học tập suốt đời.

2.3. Thái độ

- Có phẩm chất chính trị và tư cách đạo đức tốt, đảm bảo các chuẩn mực xã hội, chuẩn mực ngành. Có phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của hoạt động công tác xã hội.

- Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề nghiệp của một nhà nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, và nhà nghiên cứu và thực hành Công tác xã hội nói riêng.

- Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

- Tôn trọng và phát huy hệ giá trị của xã hội Việt Nam cũng như các tinh hoa văn hoá của nhân loại.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- M7: Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm theo từng yêu cầu công việc và nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân, tổ chức khác trong công việc. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

- M8: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- M9: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

III. CHUẨN ĐẦU RA (Theo quy định tại Thông tư 07/20215)

1. Kiến thức

**Kiến thức giáo dục đại cương*

C1: Hiểu và vận dụng những kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, chính trị và pháp luật, công nghệ thông tin, ngoại ngữ và các vấn đề đương đại vào hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội.

** Kiến thức cơ sở ngành*

C2: Vận dụng được các lý thuyết công tác xã hội vào việc trợ giúp đối tượng giải quyết vấn đề của bản thân; hiểu được các quy điều đạo đức nghề công tác xã hội. Vận dụng được các kiến thức về tâm lý để lý giải được các hành vi của thân chủ cũng như tâm lý của thân chủ. Có kiến thức về xã hội học, thống kê, giới và phát triển để phân tích, đánh giá vấn đề của xã hội cũng như triển khai các chương trình dự án liên quan đến giới.

** Kiến thức chuyên ngành*

C3: Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về công tác xã hội cá nhân, công tác xã hội nhóm, phát triển cộng đồng, tham vấn, xây dựng và quản lý dự án, chính sách xã hội và an sinh xã hội vào thực hành nghề công tác xã hội.

C4: Hiểu, vận dụng được các phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội để thực hiện nghiên cứu trong các lĩnh vực công tác xã hội. Nắm vững và ứng dụng các phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu cơ bản cũng như nghiên cứu can thiệp của Công tác xã hội.

C5: Hiểu, vận dụng được các phương pháp, tiến trình Công tác xã hội để hỗ trợ các thân chủ khác nhau, gia đình, nhóm, cộng đồng nhằm giải quyết vấn đề nảy sinh.

- C6: Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản về trẻ em, người cao tuổi, khuyết tật, người nghèo, nhóm dân tộc thiểu số, bệnh viện, ma túy, mại dâm, trường học, bạo lực gia đình vào hoạt động thực hành nghề công tác xã hội.

** Kiến thức bổ trợ*

- C7: Vận dụng được kiến thức về tin học vào quá trình làm việc.

2. Kỹ năng

- C8: Có kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống. Có khả năng làm việc nhóm; Có kỹ năng giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội và ra quyết định, năng động sáng tạo trong công việc.

- C9: Có kỹ năng phát hiện những vấn đề khoa học, phân tích các nội dung của lý thuyết công tác xã hội để áp dụng vào những trường hợp cụ thể.

- C10: Có kỹ năng thu hút, vận động sự tham gia của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng; huy động và điều phối sự tham gia đó vào quá trình làm việc. Có kỹ năng tuyên truyền nâng cao nhận thức và giảm kỳ thị đối với các đối tượng yếu thế.

- C11: Có khả năng kết nối nguồn lực, phát triển mạng lưới xã hội trong hợp tác nghiên cứu và làm việc lĩnh vực nghiên cứu công tác xã hội; Có kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng.

- C12: Có khả năng đánh giá tác động của từng chính sách đến các cá nhân, nhóm, cộng đồng. Đồng thời tham mưu, tư vấn, khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chính sách mới theo hướng đảm bảo lợi ích cho họ.

3.Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- C13: Nhận thức và thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội và môi trường; có ý thức kỷ luật tốt và tuân thủ pháp luật; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc; quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới.

- C14: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- C15: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4.Về phẩm chất đạo đức

- Có phẩm chất, đạo đức tốt. Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và tinh thần hướng về cộng đồng.

- Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc.

- Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc;

- Đấu tranh cho công bằng, dân chủ, văn minh của xã hội.

IV.KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa 123 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức đại cương: 37 tín chỉ (chiếm 30 %), không tính các môn học GDTC, GDQP-AN

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 70 tín chỉ (chiếm 56,9%), trong đó:

- + Khối kiến thức cơ sở ngành: 19 tín chỉ (15.4%)
- + Khối kiến thức chuyên ngành: 51 tín chỉ (41.6%)
- Khối thực tập, thực hành: 16 tín chỉ (chiếm 13 %).

Như vậy, sự phân chia khối lượng kiến thức giữa các phần như trên đảm bảo chất lượng của ngành đào tạo đại học Công tác xã hội của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V.THÔNG TIN TUYỂN SINH

-Theo quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, có sức khỏe đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

-Phương thức tuyển sinh thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường hằng năm.

-Dự kiến quy mô tuyển sinh

VI. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

VII.CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Theo Điều 22, Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt (được tích lũy)	8,5 - 10	A	4,0
	7,8 – 8,4	B ⁺	3,5
	7,0 - 7,7	B	3,0
	6,2 – 6,9	C ⁺	2,5
	5,5 - 6,1	C	2,0

	4,8 – 5,4	D ⁺	1,5
	4,0 - 4,7	D	1,0
Không đạt	< 4	F	0

VIII.VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công tác xã hội trình độ đại học có thể làm việc tại:

- Các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội từ cấp tỉnh trở xuống. Cán bộ phụ trách công tác xã hội ở xã, phường, huyện, thị, tỉnh, thành phố.
- Các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các loại đối tượng xã hội khác nhau thuộc các lĩnh vực như: y tế, giáo dục, pháp luật, truyền thông, văn hóa, phúc lợi xã hội...
- Có khả năng làm việc trong các tổ chức phi chính phủ, các dự án phát triển xã hội của các tổ chức trong và ngoài nước.
- Có thể làm việc độc lập với vai trò là nhà cán sự xã hội để trợ giúp cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- Có đủ trình độ ngoại ngữ và tin học (tương đương trình độ B) để phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ cũng như những yêu cầu khác của công việc.
- Tiếp tục theo học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) về Công tác xã hội, Phát triển cộng đồng; cũng có thể học bổ túc thêm kiến thức để chuyển đổi sang các lĩnh vực chuyên môn khác gần với Công tác xã hội.

IX. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các CTĐT và tài liệu đã tham khảo, đối sánh để rà soát, điều chỉnh, xây dựng CDR của chương trình đào tạo Đại học ngành Công tác xã hội, gồm:

1. Chương trình đào tạo

- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành CTXH Trường Đại học Y tế công cộng
- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành CTXH Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội
- Chuẩn đầu ra của CTĐT đại học ngành CTXH Đại học Lao động - Xã hội

2. Tài liệu tham khảo

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.*

- *Công văn số 2196/BGDĐT- GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.*

- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam.*

- *Luật Giáo dục Đại học số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

TRƯỞNG KHOA



TS. Lê Thị Thảo

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Đoàn Văn Trường